

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009-8 - Toán cao cấp
Lớp :

STC : 5(75,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Thị Hương	Hà	3472010028	27/07/1991	2,50	6,50	5,30	
2	Đặng Văn	Lý	3472040032	30/03/1992	1,50	3,00	2,60	
3	Ngô Duy	Bảo	3476040003	24/11/1991	,00			
4	Phạm Ngọc	Khuê	3476040018	23/11/1992	2,00	5,00	4,10	
5	Tổng Vũ Hải	Ninh	3476040024	12/12/1992	,00			Nợ HP
6	Vũ Tấn	Quang	3476040027	29/07/1992	2,50	2,00	2,20	
7	Đoàn Minh	Toàn	3476040042	05/10/1991	3,00	2,00	2,30	
8	Giang Tuyết	Kha	3477010051	07/02/1992	,00			Nợ HP
9	Nguyễn Diễm Vu	Lan	3572010977	29/08/1993	,00			Nợ HP
10	Nguyễn Thị Phụng	Anh	3572011502	12/06/1993	,00			Nợ HP
11	Úc Minh Khắc	Tiếp	3572020135	19/04/1992	,00			Nợ HP
12	Phan Đình	Hà	3572021104	26/08/1993	,00			Nợ HP
13	Nguyễn Đình	Diện	3572041669	05/06/1993	,00			Nợ HP
14	Trần Thị Bích	Ngọc	3572041835	17/05/1993	,00			Nợ HP
15	Lê Thanh	Thảo	3572050060	13/06/1993	3,00	4,80	4,30	
16	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	3572050380	25/12/1993	3,00	7,50	6,20	
17	Đặng Thị Ngọc	Trăm	3572050896	01/03/1993	3,00	7,00	5,80	
18	Trần Minh	Tuấn	3573010374	01/08/1993	4,80	3,80	4,10	
19	Cù Phạm Huy	Đại	3671010119	14/10/1993	5,30	6,30	6,00	
20	Phạm Thị	Thành	3671010121	29/04/1993	5,00	5,00	5,00	
21	Lê Thị	Yến	3671010184	15/12/1993	6,50	8,30	7,80	
22	Phạm Hứa Mỹ	Trình	3671010202	23/12/1994	6,30	7,80	7,40	
23	Đoàn Phương	Thiện	3671010266	27/11/1992	3,50	7,00	6,00	
24	Đặng Lê	Hoàng	3671010272	19/01/1994	6,00	7,00	6,70	
25	Đào Thị Bảo	Yến	3671010290	10/01/1994	7,00	9,00	8,40	
26	Nguyễn Văn	Vinh	3671010335	26/10/1994	,00	3,80	2,70	HC -TU
27	Nguyễn Loan	Thảo	3671010348	06/12/1994	4,00	5,00	4,70	
28	Nguyễn Thị Huyền	Vi	3671010367	12/06/1994	8,00	8,00	8,00	
29	Hoàng Anh	Tiến	3671010368	25/05/1994	5,50	6,50	6,20	
30	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	3671010374	20/03/1993	6,50	9,80	8,80	
31	Phạm Thị Thu	Thảo	3671010384	03/02/1994	2,50	7,50	6,00	
32	Tào Kiến	Thành	3671010395	30/07/1994	5,00	4,50	4,70	
33	Võ Lê Mỹ	Nhi	3671010418	24/06/1994	4,00	8,30	7,00	
34	Nguyễn Trọng	Thành	3671010426	23/09/1993	4,50	5,00	4,90	
35	Quách Đại	Phước	3671010431	25/04/1994	7,00	5,80	6,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Năng	3671010453	25/02/1992	4,50	6,00	5,60	
37	Trần Thị Ngọc	Yến	3671010467	22/05/1994	6,50	8,50	7,90	
38	Nguyễn Hoàng	Quang	3671010475	10/04/1994	3,50	7,50	6,30	
39	Võ Dương Việt	Trân	3671010487	10/05/1994	5,00	3,80	4,20	
40	Thái Thị Thanh	Hương	3671010490	24/12/1993	5,00	6,80	6,30	
41	Trần Quang	Danh	3671010521	01/06/1994	2,50	7,00	5,70	
42	Đinh Thị Kiều	Viễn	3671010550	06/11/1994	4,80	7,00	6,30	
43	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	3671010562	06/09/1993	6,80	6,80	6,80	
44	Mai Quốc	Dũng	3671010581	19/07/1994	4,50	5,00	4,90	
45	Đỗ Ngọc Tiên	Nhi	3671010610	19/08/1994	2,50	8,00	6,40	
46	Lương Ngọc	Tâm	3671010621	23/01/1994	,00			Nợ HP
47	Nguyễn Minh	Mẫn	3671010639	31/03/1994	4,00	6,00	5,40	
48	Đặng Thị Thu	Yến	3671010709	08/04/1993	4,50	7,80	6,80	
49	Lê Phú	Lộc	3671010738	23/09/1994	1,50	,50	,80	
50	Vũ Minh	Nhật	3671010806	20/11/1994	4,30	1,50	2,30	
51	Trương Phước	An	3671010814	16/10/1994	,00			Nợ HP
52	Ngô Thanh	Hùng	3671010820	27/09/1994	4,50	4,00	4,20	
53	Lê Hữu	Sinh	3671010828	12/04/1991	,00			
54	Nguyễn Thế	Hoàng	3671010829	09/01/1994	3,00	5,30	4,60	
55	Hoàng Trọng	Nghĩa	3671010855	22/02/1994	4,50	2,50	3,10	
56	Nguyễn Trường	Thanh	3671010865	22/12/1994	4,50	6,00	5,60	
57	Tôn Thị Xuân	Ly	3671010918	01/08/1994	7,00	8,00	7,70	
58	Nguyễn Văn	Vàng	3671010920	05/05/1994	3,00	3,50	3,40	
59	Bùi Thanh	Hưng	3671010944	21/04/1994	2,00	,00	,60	
60	Trần Thị Kim	Ngân	3671010969	15/09/1994	5,00	5,00	5,00	
61	Lê Vĩnh	Hòa	3671010989	20/12/1993	6,80	7,60	7,40	
62	Nguyễn Thị	Phượng	3671011009	07/07/1994	2,50	5,50	4,60	
63	Trần Thị Thanh	Loan	3671011066	04/02/1994	3,50	5,80	5,10	
64	Nguyễn Ngọc	Trung	3671011094	25/12/1994	2,00	2,50	2,40	
65	Trần Công	Tâm	3671011250	05/10/1994	,00			Nợ HP
66	Trừ Văn	Tuấn	3671011281	28/03/1994	,00			Nợ HP
67	Mai Ngọc	Sỹ	3671011294	20/11/1993	1,50	4,80	3,80	
68	Trần Văn	Thắng	3671011483	01/05/1994	7,00	3,50	4,60	
69	Từ Hữu	Thịnh	3671011604	22/01/1994	,00	,50	,40	HC-TU
70	Nguyễn Thị Kim	Liên	3671011643	26/12/1994	5,50	7,80	7,10	
71	Trần Đăng	Khoa	3671011655	17/06/1994	3,00	8,50	6,90	
72	Phan Thị Bích	Chi	3671011684	21/12/1994	4,50	6,00	5,60	
73	Nguyễn Trung	Hậu	3671011685	04/02/1994	2,50	1,00	1,50	
74	Phạm Văn	Thôi	3671011862	25/12/1993	5,50	9,50	8,30	
75	Trần Quốc	Tuấn	3671011928	01/06/1994	,00			Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Trần Thị Linh	Chi	3671011977	12/10/1993	2,50	3,30	3,10	
77	Trần Thị Anh	Đào	3671012035	17/10/1994	6,30	8,30	7,70	
78	Nguyễn Phúc	Khang	3672010833	05/08/1993	3,50	5,30	4,80	
79	Mạch Huy	Vương	3672011026	07/10/1994	4,00	7,50	6,50	
80	Vũ Văn	Chương	3672011251	10/09/1994	,00			Nợ HP
81	Ngô Thị Anh	Thơ	3673010030	02/09/1994	5,00	9,00	7,80	
82	Bùi Thị	Tuyết	3673010048	20/12/1994	7,50	7,50	7,50	
83	Nguyễn Thụy Ngọc	Hiệp	3673010106	30/04/1994	3,50	3,30	3,40	
84	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	3673010109	05/05/1994	6,50	9,50	8,60	
85	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3673010156	27/07/1994	3,00	9,50	7,60	
86	Phạm Văn Hoàng	Thái	3673010161	15/01/1994	3,50	8,00	6,70	
87	Trần Thảo	Nguyên	3673010173	17/12/1994	5,50	7,50	6,90	
88	Nguyễn Bá Tiên	Quỳnh	3673010200	14/07/1994	4,00	7,80	6,70	
89	Tăng Ngọc	Trần	3673010210	23/05/1994	2,00	6,30	5,00	
90	Nguyễn Kim	Ngân	3673010255	13/11/1993	5,00	8,30	7,30	
91	Mã Thị	Tiền	3673010257	12/02/1992	4,50	8,80	7,50	
92	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	3673010261	27/04/1994	4,50	7,80	6,80	
93	Lê Thị Thảo	Nguyên	3673010281	19/07/1994	2,80	8,50	6,80	
94	Phạm Thị Bích	Liễu	3673010300	27/01/1994	5,30	3,50	4,00	
95	Đinh Thị Thuý	Linh	3673010333	26/07/1994	3,50	2,50	2,80	
96	Lê Thị	Hoa	3673010363	20/09/1993	3,50	9,50	7,70	
97	Trần Thị Hồng	Ngọc	3673011111	22/09/1994	4,50	5,50	5,20	
98	Lưu Thị	Mỹ	3673011114	20/04/1994	6,50	7,60	7,30	
99	Vương Quốc	Thắng	3673011124	28/10/1993	1,00			
100	Đặng Ngọc	Quyên	3673011152	10/06/1994	4,00	1,80	2,50	
101	Nguyễn Thị Thuý	Tiền	3673011176	04/09/1994	5,50	6,80	6,40	
102	Thái Thị Thanh	Trúc	3673011601	05/04/1993	7,00	7,50	7,40	
103	Nguyễn Thị Ngọc	Thuận	3673011839	26/01/1994	7,00	9,80	9,00	
104	Nguyễn Kim	Xinh	3673011842	01/01/1994	6,50	5,30	5,70	
105	Nguyễn Thị	Thanh	3673012040	20/10/1994	3,00	5,00	4,40	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)